PHỤC LỤC 01

BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SXKD VÀ ĐỊA LÝ PHÂN PHỐI CỦA NHÀ SXKD NGOÀI TỈNH THÁNG 3 NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 600 /TB-SXD ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I. XI MĂNG																
1	**Công Ty Cổ phần xi măng Công Thanh (Số 2/14-2/16, đường Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1.TP HCM, điện thoại:02373 977502). Bảng báo giá số 04/21/BBG/XMCT-KD ngày 08/01/2021.Gía bán xi măng Công Thanh PCB40 bao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ tháng 01/2021 đến hết tháng 6/2021**															
					Gía bán tại các cửa hàng khu vực trung tâm											
	Xi măng Công Thanh (PCB 40)	Bao 50kg			79.500			79.500			79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	
2	**Chi nhánh Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp tiêu thụ và Dịch vụ VICEM Hà Tiên. Bảng niêm yết giá số 092/TTDV-PHTT ngày 01/02/2021.Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/02/2021 đến khi có công văn mới** (Địa chỉ: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0283.9151617 (220). **Danh sách các nhà phân phối sản phẩm Xi măng Vicem Hà Tiên tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng:** **- Công ty TNHH TMXD-V-T Vũ Thiện** (số 815 Trần Phú thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, ĐT: 0263.3863.175). **- Công ty TNHH Thiên Tư Phước** (Thôn Pâng Pung, TT.Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng), ĐT: 0263.3829.653.															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											
	XM Vicem Vicem Hà Tiên PCB (bao 50kg)	đ/tấn			1.300.000											
	XM Vicem Vicem Hà Tiên PCB (bao 50kg)	đ/tấn			1.254.545											
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn			1.295.455											
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn			1.268.182											
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn			1.181.818											
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn			1.195.455											
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn			1.295.455											
	XM Vicem Hà Tiên Đa dụng (bao 50kg)	đ/tấn			1.168.182											
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn			1.222.727											
	XM Vicem Hà Tiên Đa dụng (bao 50kg)	đ/tấn			1.140.909											
3	**Công ty cổ phần xi măng Hạ Long.Số điện thoại liên lạc: 9028) 39301656, Di động:0938582648.Nguyễn Văn Việt, theo thông báo số 1116/TB-VCHL-KDTT ngày 30/12/2019 của Cty TNHH MTV Xi măng Hạ Long)**															
					Gía giao tại trung tâm Lâm Đồng											
	XM Vicem Hạ Long PCB 40 (bao 50kg)	đ/bao			90.000											
	XM Vicem Hạ Long PCB 50 (dạng rời, dành cho PCB 50)	đ/tấn			1.500.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	**Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long.Địa chỉ: Lô A3, KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè.Tp HCM. Điện thoại: (08) 3780 0912, theo Công văn số 63/CV/2020/CN-BHMN ngày 14/12/2020 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.Thời gian đăng ký: Qúy I,II/2021 (từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021)**															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											
	XM Thăng Long PCB 40 nhãn hiệu Rồng Đỏ (bao 50kg)	đ/bao			81.818											
II	**GẠCH , ĐÁ ỐP LÁT**															
1	**Chi nhánh Quảng Nam-Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm.Địa chỉ: Lô 03,KCN Điện Nam, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại :0905520058, liên hệ anh Nguyễn Quang, kèm theo báo giá số 01/2021/SXDTLĐ ngày 01/01/2021 của Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm.**															
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập Platinum				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Gạch 60 x 60 cmPLATINUM 001/002/003/004	đ/m^2			418.182											
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).6060PLATINUM 005	đ/m^2			445.455											
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).8080PLATINUM 001/002/003/004	đ/m^2			600.000											
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).8080PLATINUM 005/006	đ/m^2			660.000											
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập Premium															
	Gạch Granite men mờ (60 x 60 cm).6060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	đ/m^2			369.091											
	Gạch Granite men mờ (30 x 60 cm).3060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	đ/m^2			360.000											
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập gạch gỗ	đ/m^2														
	Gạch Granite men mờ (40 x 80 cmDTD4080GOSAN004/005	đ/m^2			301.818											
	Gạch Granite men mờ (60 x 60 cm).3060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	đ/m^2			247.273											
	Gạch lát nền vệ sinh															
	Gạch Cremic men mờ (25x25cm)BAOTHACH 001	đ/m^2			128.182											
	Gạch Cremic men mờ (25x25cm)2525CARASA001/002	đ/m^2														
	Gạch Cremic men mờ (30X30cm)TIENSA001/003/004	đ/m^2			161.818											
	Gạch Cremic men mờ (30X30cm)3030BANA001	đ/m^2														

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Cremic men mờ (30x30cm)3030ANDE001	đ/m^2			181.818											
	Gạch Cremic men mờ (40x40cm)4040THẠCH ANH006	đ/m^2			196.364											
	Gạch Cremic men mờ (40x80cm)4080TAYBA001/002/003/004	đ/m^2			295.455											
	Gạch lát nền các loại															
	Gạch Cremic men bóng (30x30cm) 300;345;387	đ/m^2			148.182											
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 469;475;481;484;485	đ/m^2			131.818											
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm)456;462;467	đ/m^2														
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 426	đ/m^2			140.909											
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 428	đ/m^2			158.182											
	Gạch Granite men mờ (40x40cm)4040SAPA001	đ/m^2			196.364											
	Gạch Granite men mờ (40x40cm)4040THACHANH001/002/004	m^2														
	Gạch Granite muối tiêu (40x40cm)4GA01	m^2			218.182											
	Gạch Granite muối tiêu (40x40cm)4GA43	m^2			240.000											
	Gạch Granite men mờ (30x60cm)3060SAHARA005/006/007/008/009/010/011/012	m^2			250.000											
	Gạch Granite men mờ (30x60cm)3060DIAMOND001/002/003	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060TAMADA001/002/003/004/006	m^2			233.636											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060THẠCHANH002	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060PHUSA002	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060THACHNGOC001	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060VENU001/002	m^2														

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060BINHTHUAN001/002/004/005	m^2			233.636											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060OMEN001/003/004/005	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060DA004-FP/005-FP/006-FP/007-FP/008-FP/011-FP/12-FP/013-FP/014	m^2			244.545											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060TAMADA005	m^2			247.273											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060MOMEN002	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060CHAMPA002/003	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060HAIVAN001-FP/003-FP/004-FP	m^2			258.182											
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060TRUONGSON002-FP/003-FP-004-FP/005-FP/007-FP	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060CARARAS002-FP	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060DA015-FP	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTS6060BRIGH001-FP	m^2			286.364											
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060SNOW001-FP	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)HAVAN005-FP/006-FP-007-FP	m^2														
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060DB006-NANO/038-NANO	m^2			289.091											
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060DB032-NANO/034-NANO	m^2			309.091											
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060MARMOL002-NANO	m^2														

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060MARMOL005-NANO	m^2			328.182											
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080NAOLEON001	m^2			314.545											
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080NAOLEON005	m^2														
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080TRUONGSON003	m^2			344.545											
	Gạch Granitemài men 80x80 DTD080TRUONGSON001	m^2														
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080FANSIFAN001	m^2														
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080FANSIFAN002	m^2														
	GẠCH ỐP TƯỜNG:															
	a. Bộ sưu tập Luxury:															
	Gạch Cremic men mờ 30X60 AMBER003/004	m^2			244.545											
	Gạch Cremic men mờ 30X60 COTTON001/002/003/004/005/006	m^2														
	Gạch Cremic men mờ 30X60RETRO 001/002	m^2														
	Gạch Cremic men mờ 30X60RETRO 001	m^2														
	Gạch Cremic men mờ 30X60TIENSA001/002/003/004	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 30X60AMBER001/002/005/006/007/008	m^2			244.545											
	Gạch Cremic men bóng 30X60 ROXY001/002/003/004/005	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 30X60SNOW001/002/003/004	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 40x80ROXY001-H+/ 003-H+	m^2			295455											
	Gạch Cremic men bóng 40x80AMBER001-H+	m^2														
	b. Gạch ốp tường các loại:															
	Gạch Cremic men bóng 20x20TL01/ 03	m^2			148.182											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Cremic men bóng 25x40CARARAS001	m^2			128.182											
	Gạch Cremic men bóng 25x40	m^2			136.364											
	Gạch Cremic men bóng 25x40 BAOTHACH001	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 25x40 CARARAS002	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 25x40 TAMDAO001	m^2														
	GẠCH TRANG TRÍ:															
	a. Bộ sưu tập Mosaic 30x30cm															
	Gạch Granite cắt thủy lực dán lưới 30x30 Mosaic 001/002/003/004/005/006/007/008/009/010/011/012/013	m^2			378.182											
2	**Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera - Taicera Enterprise Co Chi nhánh Nha Trang. Báo giá gạch TKG và TEKKNIA áp dụng từ ngày 01/03/2021**															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											
	I - DOUBLE LOADING NATURAL TILES															
	1- Sản phẩm Future: Gía loại 1															
	600x600 (G68093 ; 68094 ; 68095 ; 68099)	m^2			268.449											
	600x300 (G63093 ; 63094 ; 63095 ; 63099)	m^2														
	1- Sản phẩm Future: Gía loại 2															
	600x600 (G68093 ; 68094 ; 68095 ; 68099)	m^2			228.182											
	600x300 (G63093 ; 63094 ; 63095 ; 63099)	m^2														
	2- Sản phẩm Cappuccino:Gía loại 1															
	600x600 (G68052 ; 68054 ; 68057 ; 68058)	m^2			268.449											
	(600x300) G63052 ; 63054 ; 63057 ; 63058	m^2														
	2- Sản phẩm Cappuccino:Gía loại 2															
	600x600 (G68052 ; 68054 ; 68057 ; 68058)	m^2			228.182											
	(600x300) G63052 ; 63054 ; 63057 ; 63058	m^2														
	II - GLAZED PORCELAIN TILES															
	3- Sản phẩm Onyx Stone:Gía loại 1															
	(600x600) G68982 ; 68985 ; 68987 ; 68988	m^2			247.059											
	(600x300) G63982 ; 63985 ; 63987 ; 63988	m^2			246.674											
	3- Sản phẩm Onyx Stone:Gía loại:2															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	(600x600) G68982 ; 68985 ; 68987 ; 68988	m^2			210.000											
	(600x300) G63982 ; 63985 ; 63987 ; 63988	m^2														
	III - POLISH GRANITE TILES															
	4- Sản phẩm Fossil:Gía loại 1															
	(800x800) P87202N ; 87206N ; 87208N	m^2			316.577											
	(600x600)P67202N ; 67206N ; 67208N	m^2			263.102											
	4- Sản phẩm Fossil:Gía loại 2															
	(800x800)P87202N ; 87206N ; 87208N	m^2			269.091											
	(600x600)P67202N ; 67206N ; 67208N	m^2			223.636											
	5- Sản phẩm mài bóng Jade Diamond:Gía loại 1															
	(800x800) P87662N ; 87662N	m^2			305.882											
	(600x600) P67662N ; 67662N	m^2			252.406											
	5- Sản phẩm mài bóng Jade Diamond:Gía loại 2															
	(800x800) P87662N ; 87662N	m^2			260.000											
	(600x600)P67662N ; 67662N	m^2			214.545											
4	**Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Prime, địa chỉ liên hệ :KCN Bình Xuyên,thị trấn Hương Canh,huyện Bình Xuyên.Tỉnh Vĩnh Phúc.VP đại diện miền Nam:31 Xuân Hồng,P.12.Q.Tân Bình.Tp.HCM,liên hệ** :Phạm Thu Hiền,SDĐ:0983 199 083), theo báo giá số 112/2021/VPĐD ngày 04/12/2020 của Cty TNHH MTV Thương mại và XNK Prime. Nhà phân phối chính thức Gạch Prime tại Lâm Đồng:- Cty TNHH Tâm Thanh Sơn, số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4.Tp Đà Lạt. Điện thoại: 0908 950 589															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											
	Gạch ceramic 25x25 không mài cạnh	m^2			93.000											
	Gạch ceramic 25x40 không mài cạnh	m^2			93.000											
	Gạch ceramic 30x30 không mài cạnh	m^2			95.000											
	Gạch ceramic 30x30 mài cạnh	m^2			186.000											
	Gạch ceramic 30x30 mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m^2			236.000											
	Gạch ceramic 30x45 xương đỏ, mài cạnh	m^2			116.000											
	Gạch ceramic 30x45 xương trắng, mài cạnh	m^2			125.000											
	Gạch ceramic 30x60 xương trắng, mài cạnh	m^2			182.000											
	Gạch ceramic 40x40 không mài cạnh	m^2			92.000											
	Gạch ceramic 40x40 sân vườn, không mài cạnh	m^2			107.000											
	Gạch ceramic 40x40 kỹ thuật số, mài cạnh	m^2			102.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch ceramic 50x50 không mài cạnh	m^2			98.000											
	Gạch ceramic 50x50 mài cạnh	m^2			105.000											
	Gạch ceramic 50x50 mài cạnh kỹ thuật số	m^2			115.000											
	Gạch semi porcelain 50x50 mài cạnh	m^2			150.000											
	Gạch porcelain 60x60	m^2			229.000											
	Gạch porcelain 60x60 men bóng, mài cạnh	m^2			227.000											
	Gạch porcelain 60x60 cao cấp, men bóng/mờ, mài cạnh	m^2			256.000											
	Gạch porcelain 60x60 sugar effect, chống mài mòn	m^2			315.000											
	Gạch porcelain 80x80 bóng/mờ, mài cạnh	m^2			327.000											
	Gạch porcelain 10x30 Không mài canh	m^2			246.000											
	Gạch porcelain 15x60 Giả gỗ, Không mài canh	m^2			189.000											
	Gạch Porcelain 15x60 Giả gỗ, Mài cạnh	m^2			275.000											
	Gạch Ceramic 15x80 Giả gỗ, Mài cạnh	m^2			295.000											
	Gạch Ceramic 20x40 Men bóng, không mài cạnh	m^2			146.000											
	Gạch Ceramic 20x40 Khuân dị hình, không mài cạnh	m^2			198.000											
	Gạch Ceramic 25x40 Kĩ thuật số, mài cạnh	m^2			102.000											
	Gạch Ceramic 30x60 Xương đỏ, mài cạnh	m^2			136.000											
	Gạch Ceramic 60x60 Xương đỏ, mài cạnh	m^2			132.000											
	Gạch Ceramic 40x80 Xương trắng, mài cạnh	m^2			256.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm.Địa chỉ:số 7.Khu phố 6.Thị trấn Bến Lức,huyện Bến Lức. Điện thoại:028 3875 6536.Kèm theo Bảng giá VLXD Tháng 01 đến tháng 6 năm 2021 ngày 10/3/2021 của Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm.Bảng giá có hiệu lực đến 30/6/2021 hoặc khi có thông báo mới.Gía bán áp dụng trên toàn quốc.Cty Đồng Tâm hỗ trợ vận chuyển đến chân công trình cho khách hàng.														
	I.Gạch men, Granite																
	Gạch men 25x25 (16 viên=1m2) 2525CARARAS001/ 002 2525TAMDAO001	m^2			129.000												
	Gạch men 30x30 (11 viên=0,99m2) 3030TIENSA001/ 003 3030TAMDAO001	m^2			162.000												
	Gạch Granite 30x30 (11 viên=0,99m2) 3030MOSAIC001/003/004/ 005/006/007/008/009/010/	m^2			379.000												
	Gạch Granite 30x60 (6 viên=1,08m2) 3060SAHARA005/006/007/008/009/010/011 /012	m^2			250.000												
	Gạch Granite 40x40 (6 viên= 0,96m2) 4040CLG001/002/003 4040HOADA001	m^2			197.000												
	Gạch men 40x80 (4 viên=1,28m2) 4080CARARAS001-H+/ 002-H+/ 003-H+	m^2			296.000												
	Gạch Granite 60x60 (4 viên= 1,44m2) 6060WS013/014	m^2			248.000												
	Gạch Granite 80x80 (3 viên=1,92m2) DTD8080NAPOLEON001-H+/ 003-H+/ 004-H+	m^2			315.000												
	Gạch Granite 100x100 (2 viên=2m2) 100DB016-NANO	m^2			530.000												
	Gạch Granite 100x100 (2 viên=2m2) 100MARMOL005-NANO	m^2			574.000												
	Gạch Granite 40x40 (6 viên= 0,96m2)4040GECKO001/002/003/ 004	m^2			224.000												
	Gạch Granite 30x60 (6 viên=1,08m2) 3060GECKO001/002/003/ 004/005/006/007/008/009	m^2			300.000												
	Gạch men 10x20 (25 viên=0,5m2) 1020ROCK001/002/003/ 004/005/006/007/008/009/	m^2			200.000												
	Gạch men 20x20 (25 viên=1 m2) TL01/03	m^2			149.000												
	Gạch men 25x40 (10 viên=1 m2) 2540CARARAS002 2540TAMDAO001	m^2			136.000												

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch men 30x45 (8 viên=1,08 m2)3045M001	m^2			168.000											
	Gạch men 30x60 (6 viên=1,08 m2) 3060ROXY001/002/003/ 004/005/006/007	m^2			245.000											
	Gạch men 40x80 (4 viên=1,28 m2) D4080ORCHID001-H+	m^2			328.000											
	Công ty TNHH Thạch Bàn, địa chỉ : Thôn Đông Hương, Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.Nhà máy sản xuất:Thôn Đông Hương, Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.Điện thoại: 0204.37678588-1900.6095.Thông tin liên hệ: Đinh Thị Kim Anh.điện thoại: 0905 400 499.Bảng đăng ký và cam kết ngày 02/4/2021 kèm theo Bảng giá bán lẻ áp dụng từ ngày 01/01/2021 cho đến khi có thông báo mới															
	Gạch ốp CERAMIC															
	Gạch ốp men bóng (TDB36/FDB36 30X60- Viên đậm, nhạt	m^2			148.141											
	Gạch ốp men bóng (TDB36/FDB36 30X60- Viên viền điểm	m^2			166.363											
	Gạch ốp men khô (TDB36/FDB36 30X60- Viên đậm, nhạt	m^2			148.181											
	Gạch ốp men khô (TDB36/FDB36 30X60- Viên viền điểm	m^2			166.363											
	Gạch ốp men bóng (TDB48/FDB48 40x80- Viên đậm, nhạt	m^2			207.272											
	Gạch ốp men bóng (TDB48/FDB48 40x80- Viên viền điểm	m^2			225.454											
	Gạch ốp men khô (TDB48/FDB48 40x80- Viên đậm, nhạt	m^2			207.272											
	Gạch ốp men khô (TDB48/FDB48 40x80- Viên viền điểm	m^2			225.454											
	Gạch lát GRANITE															
	Gạch lát men bóng (TDB60/FDB60 60x60- Men mài bóng, bề mặt phẳng	m^2			268.181											
	Gạch lát men khô (TDB60/FDB60 60x60- Men khô, bề mặt phẳng	m^2			268.181											
	Gạch lát men khô (TDB60/FDB60 60x60- Men khô, bề mặt dị hình	m^2			277.272											
	Gạch lát men khô (TDB60/FDB60 60x60- Men kim cương	m^2			304.545											
	Gạch lát men bóng (TDB80/FDB80 80x80- Men mài bóng, bề mặt phẳng	m^2			340.909											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch lát men khô(TDB80/FDB80 80x80-Men khô, bề mặt phẳng				340.909											
	Gạch lát men khô(TDB80/FDB80 80x80-Men khô, bề mặt dị hình				350.000											
	Gạch lát men khô(TDB80/FDB80 80x80-Men kim cương				377.272											
III.THÉP XÂY DỰNG																
1	**Công ty TNHH THÉP SeAH Việt Nam.Địa chỉ: số 7, đường 3A KCN Biên Hòa II, Đồng Nai.Điện thoại: 093 800 1498, theo Bảng kê khai mức giá kèm theo công văn số 3 ngày 01/3/2021 của Công ty TNHH THÉP SeAH Việt Nam.**															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											
1	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.0 đến 1.5 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			20.700											
2	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.6 đến 1.9 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			19.900											
3	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 2.0 đến 5.4 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			19.600											
4	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 5 .5 đến 6.35 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			19.600											
5	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày trên 6.35 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			19.800											
6	Ống thép đen độ dày 3.4 mm đến 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			19.800											
7	Ống thép đen độ dày trên 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			20.200											
8	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 1.6 đến 1.9 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			26.100											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 2.0 đến 5.4 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			25.300											
10	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày trên 5.4 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			25.300											
11	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 3.4 mm đến 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			25.700											
12	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày trên	đ/kg			26.100											
13	Ống tôn kẽm (Tròn, vuông, hộp) độ dày	đ/kg			20.900											
2	**CTY CP SẢN XUẤT THÉP VINA ONE.Địa chỉ:Ap Voi Lá, Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức.Tỉnh Long An.Điện thoại liên hệ:0903 002 655.** **Danh sách các đại lý phân phối tại tỉnh Lâm Đồng** của Công ty CP SX Thép VINA ONE. **- Công ty TNHH TM DV Khang Nam: 1052 QL 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng,điện thoại: 0902851074** **- Công ty TNHH Tôn sắt thép Minh Đức: số 2, Cách Mạng Tháng 8,P8.Tp Đà Lạt, điện thoại: 0908047048. Công ty TNHH Nhật Quang Đơn Dương: số 9, Thôn Tân Lập, xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương.Điện thoại:0972 023393**															
	Vuông, hộp, ống đen Vina One															
	Vuông, hộp, ống đen,độ dày 0.95-2,50mm	đ/kg	17.400													
	Vuông, hộp, ống đen,độ dày ≥ 2,55mm	đ/kg	17.200													
	Ống thép đen Ø 168-Ø273mm, độ dày 4.00-10mm	đ/kg	17.400													
	Vuông, hộp, ống kẽm Vina One															
	Vuông, hộp, ống kẽm,độ dày 1.00-2.00mm	đ/kg	19.900													
	Vuông, hộp, ống kẽm,độ dày 2.05-3.00mm	đ/kg	19.700		* Giá giao hàng tại kho nhà máy tại tỉnh Long An											
	Vuông, hộp, ống kẽm,độ dày 3.00-5.00mm	đ/kg	20.200		* Địa bàn các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc liên hệ với các đại lý phân phối nêu trên để lấy báo giá cụ thể.											
	Vuông, hộp, ống kẽm,độ dày >5.00mm	đ/kg	20.200													
	Ống nhúng nóng Vina One Ø 21-Ø273mm															
	Dày 1.60-2.00mm	đ/kg	25.400													
	Dày 2.10-3.00mm	đ/kg	24.600													
	Dày 3.10 -5.00mm	đ/kg	24.900													
	Dày > 5.00mm	đ/kg	24.900													
	Thép hình cán nóng Vina One															
	Thép hình cán nóng chữ U-V-I	đ/kg	18.100													
	Thép hình cán nóng chữ U	đ/kg	18.100													
	Thép hình cán nóng chữ I	đ/kg	18.100													
IV. NHÓM SƠN. BỘT TRÉT TƯỜNG																

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	**Công ty TNHH KOVA NANOPRO.** Địa chỉ: Khu B2-5, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi.Tp.Hồ Chí Minh, điện thoại:028 3620 3797-Line:601. Theo bảng niêm yết giá kèm theo công văn số CV-Kova /0321-03 ngày 05/03/2021 của Công ty.Mức kê khai thực hiện từ ngày 01/3/2021 cho đến ngày có thông báo mới.																
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng												
	Sơn nội thất																
	Sơn nội thất KOVA VISTA+ (25kg)	đ/thùng			904.773												
	Sơn nội thất KOVA K-203 (25kg)	đ/thùng			1.054.773												
	Sơn nội thất KOVA SUNRISE+ (25kg)	đ/thùng			982.955												
	Sơn nội thất KOVA K-260 (25kg)	đ/thùng			1.483.864												
	Sơn ngoại thất																
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208 (25kg)	đ/thùng			2.358.929												
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-117 (18 lít)	đ/thùng			2.811.818												
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04 (20kg)	đ/thùng			3.354.675												
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA (20kg)	đ/thùng			2.048.182												
	Bột trét																
	+ Nội thất																
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CROWN (40kg)	đ/bao			368.182												
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	đ/bao			307.273												
	+ Ngoại thất																
	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CROWN (40kg)	đ/bao			488.182												
	Bột trét ngoại thất KOVA Villa (40kg)	đ/bao			467.273												
	Sơn lót, chống thấm																
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207 (25kg)	đ/thùng			1.828.409												
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209 (25kg)	đ/thùng			2.235.682												
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA HydroProof CT-04 (4kg)	đ/thùng			653.273												

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-06 (20kg)	đ/thùng			3.276.000											
2	**Công ty Cp L.Q JOTON.Địa chỉ: 188C Lê Văn Sỹ,P.10.Q.Phú Nhuận.Tp HCM.Điện thoại:0838461970-2, theo báo giá số 15-21/BBG-GT-DA ngày 02/02/2021 và báo giá số 01-20/BBG-GT-DA ngày 03/02/2021 của Công ty**															
	Sơn giao thông				**Giá giao Tp Đà Lạt**											
	Sơn giao thông lót (16kg/thùng)	đ/thùng	66.900		66.900											
	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang - JOPT25 (25 kg/bao)	đ/bao	21.528		21.528											
	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang - JOPT25 (25 kg/bao)	đ/bao	22.473		22.473	Địa bàn Tp Bảo Lộc và các huyện liên hệ với Công ty để có báo giá cụ thể theo từng địa bàn										
	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen) (25kg/thùng)	đ/thùng	88.791		88.791											
	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng,đỏ) (25kg/thùng)	đ/thùng	109.500		109.500											
	Sơn nội thất															
	Sơn nội thất cao cấp-PEACE 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.220.000		1.220.000											
	Sơn nội thất trung cấp-PEACE 1 (18l/thùng)	đ/thùng	893.000		893.000											
	Sơn nội thất kinh tế-PEACE 3 (18l/thùng)		610.000		610.000											
	Sơn ngoại thất															
	Sơn nội thất cao cấp-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	3.096.000		3.096.000											
	Sơn nội thất trung cấp-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.850.000		1.850.000											
	Sơn nội thất kinh tế-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.305.000		1.305.000											
	Sơn lót															
	Sơn lót ngoại thất PROS (18l/thùng)	đ/thùng	1.529.000		1.529.000											
	Sơn lót nội thất PROSIN (18l/thùng)	đ/thùng	952.000		952.000											
	Bột trét															
	Bột trét nội thất PASSION INT (40kg/bao)	đ/bao	253.000		253.000											
	Bột trét ngoại thất PASSION EXT (40kg/bao)	đ/bao	321.500		321.500											
3	**Công ty TNHH SƠN SANQ TITO.Địa điểm đặt nhà máy SX: Lô F1,CC Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, Long An.Điện thoại:0903 000615, theoBảng báo giá sơn và chống thấm và Bảng báo giá sơn pha sẵn ngày 01/01/2021 của Công ty TNHH SƠN SANQ TITO.**															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sơn nội thất				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Sơn nội thất chất lượng cao-SOLINY (06kg)	đ/kg			320.000											
	Sơn nội thất ngọc trai-SOLIPEARL (4,5 lít)	đ/lít			364.000											
	Sơn nội thất lau chùi-SOLIMAX (4,5 lít)	đ/lít			586.000											
	Sơn nội thất lau chùi-SOLIMAX (17,5 lít)	đ/lít			1.914.000											
	Sơn bóng nội thất -SOLICLEAN (4,5 lít)	đ/lít			1.286.000											
	Sơn bóng nội thất -SOLICLEAN (15 lít)	đ/lít			3.654.000											
	Sơn ngoại thất															
	Sơn ngoại thất -SOLIPEARL (4,5 lít)	đ/lít			632.000											
	Sơn ngoại thất -SOLIPEARL (17,5 lít)	đ/lít			1.922.000											
	Sơn nước bảo vệ ngòai trời-SOLIMAX (4,5 lít)	đ/lít			738.000											
	Sơn nước bảo vệ ngòai trời-SOLIMAX (17,5 lít)	đ/lít			2.626.000											
	Sơn bán bóng ngoại thất-SOLIGLO (4,5 lít)	đ/lít			1.146.000											
	Sơn bán bóng ngoại thất-SOLIGLO (17,5 lít)	đ/lít			3.906.000											
	Sơn bóng ngoại thất-SOLISHIELD (4,5 lít)	đ/lít			1.756.000											
	Sơn bóng ngoại thất-SOLISHIELD (15 lít)	đ/lít			5.140.000											
	Sơn trang trí bề mặt															
	Bề mặt sơn bóng TITO-trắng bóng (0,8 lít)	đ/lít			128.000											
	Bề mặt sơn bóng TITO-trắng bóng (3.0 lít)	đ/lít			451.000											
	Bề mặt sơn mờ TITO-trắng mờ (0.8 lít)	đ/lít			136.000											
	Bề mặt sơn mờ TITO-trắng mờ (3 lít)	đ/lít			476.000											
	Bề mặt sơn mờ TITO-đen mờ (0.8 lít)	đ/lít			133.000											
	Bề mặt sơn mờ TITO-đen mờ (3 lít)	đ/lít			459.000											
	Bề mặt sơn bóng TITO-màu bóng (0.8 lít)	đ/lít			122.000											
	Bề mặt sơn bóng TITO-màu bóng (3 lít)	đ/lít			442.000											
4	**Công ty TNHH Sơn ALEX.Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy SX: xóm Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.Điện thoại:0243784244.Cập nhật theo Bảng kê khai mức giá thời gian áp dụng từ ngày 01/12/2020 (kèm theo công văn số 01/CV-CT ngày 01/12/2020 của CTy TNHH Sơn ALEX). Đại lý sơn Cẩm Phượng.Địa chỉ:số 02 Hoàng Hoa Thám, P10.TP Đà Lạt. Số điện thoại liên hệ: 0902 011500.Nguyễn Thị Hồng Cẩm**															
	Sơn phủ ngoại thất				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Sơn Tomat 5 in 1 (15 lít)	đ/thùng			1.757.000											
	Sơn Alex Ultra Pro Ex (05 lít/lon)	đ/lon			1.804.000											
	Sơn bóng chống nóng hiệu quả Alex Pro (15 lít/thùng)	đ/thùng			4.059.000											
	Sơn bóng chống nóng hiệu quả Alex Pro (5 lít/lon)	đ/lon			1.502.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sơn phủ nội thất															
	Sơn phủ nội thất siêu bóng Alex Ultra Pro In (05 lít/lon)	đ/lon			1.457.000											
	Sơn bóng nội thất cao cấp Alex Satin (18 lít/thùng)	đ/thùng			3.837.000											
	Sơn bóng nội thất cao cấp Alex Satin (05 lít/lon)	đ/lon			1.147.000											
	Sơn lau chùi hiệu quả Alex lau chùi (18l/thùng)	đ/thùng			1.767.000											
	Sơn nội thất Tomat (18 lít/thùng)	đ/thùng			889.000											
	Sơn lót (chuyên dùng)															
	Sơn Alex Ultra White (18 lít)	đ/thùng			1.986.000											
	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng Alex Prevent (16 lít/thùng)	đ/thùng			2.940.000											
	Sơn chống thấm vượt trội Alex Ultra Prevent (17 lít/thùng)	đ/thùng			3.468.000											
	Sơn lót chống kiềm ngoài trời Tomat CK 6000 (18l/thùng)	đ/thùng			2.475.000											
	Sơn lót chống kiềm ngoài trời NANO Alex Ultra Primer Ex (18l/thùng)	đ/thùng			3.481.000											
	Sơn lót chống kiềm trong nhà NANO Alex Ultra Primer In (18l/thùng)	đ/thùng			2.526.000											
	Sơn chống kiềm trong nhà (18l/thùng)	đ/thùng			2.165.000											
	Bột bả Mastic															
	Bột bả ngoại thất cao cấp Alex (20kg)	đ/bao			260.000											
	Bột bả trong nhà và ngoài trời Drulex (40kg/bao)	đ/bao			395.000											
5	**Công ty TNHH SX TM & XD BẢO SƠN.Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy SX: KCN Bá Thiện, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên.Tỉnh Vĩnh Phúc.Điện thoại:0211 6285888, kèm theo công văn số 02.02.2021/HC-BS ngày 02/02/2021 của CTy TNHH SX TM& XD Bảo Sơn**															
	Sơn phủ ngoại thất				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Sơn JYKA 9IN1 High Gloss (5 lít)	đ/lít	1.035.000		1.035.000											
	Sơn JYKA NANO CLEAN (5 lít)	đ/lít	830.000		830.000											
	Sơn JYKA SUPER SATIN (5 lít)	đ/lít	698.000		698.000											
	Sơn JYKA SUPER SATIN (18 lít)	đ/lít	2.345.000		2.345.000											
	Sơn JYKA 5IN1 ngoại thất (18 lít)	đ/lít	1.176.000		1.176.000											
	Sơn phủ nội thất															
	Sơn JYKA 8IN1 High Gloss (5 lít)	đ/lít	877.000		877.000											
	Sơn JYKA 7IN1 (5 lít)	đ/lít	687.000		687.000											
	Sơn JYKA 7IN1 (18 lít)	đ/lít	2.194.000		2.194.000											
	Sơn lót nội,ngoại thất															
	Sơn JYKA lót kiềm Nano co giãn ngoại thất (18 lít)	đ/lít	1.870.000		1.870.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sơn JYKA lót kiềm Nano co giãn nội thất (18 lít)	đ/lít	1.427.000		1.427.000											
	Sơn tính năng															
	Sơn JYKA chống thấm trộn xi măng (18 lít)	đ/lít	1.594.000		1.594.000											
	Sơn JYKA chống thấm màu (18 lít)	đ/lít	1.755.000		1.755.000											
	Sơn JYKA chống thấm sàn (20 kg)	đ/kg	1.595.000		1.595.000											
	Sơn JYKA chống thấm ngược (5 kg)	đ/kg	556.000		556.000											
	Bột bả															
	Bột trét JYKA cao cấp chống thấm 3in1 (40kg)	đ/kg	293.000		293.000											
	DUTET ngoại thất (40kg)	đ/kg	195.000		195.000											
	DUTET nội thất (40kg)	đ/kg	162.000		162.000											
V	**NHÓM NGÓI**															
1	**Công Ty TNHH Công Nghiệp LAMA Việt Nam.Địa chỉ: Lô B8, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên.Tỉnh Bình Dương..Phòng Kinh doanh:số 243/1.Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Hiệp.Q.12.Tp.HCM.Phụ trách công bố giá: Đinh Thị Bích Ngọc,điện thoại :0949 704802.**															
	Đại lý phân phối: Cty Phước Nguyên-Đại lý phân phối Ngói Lama.Địa chỉ: 24 TrạngTrình.Tp Đà Lạt,điện thoại: 0917 937 416 Cty Phan Tấn Thương-Đại lý phân phối Ngói Lama.Địa chỉ:10/14 Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng,điện thoại: 019 005 776															
	Ngói Lama Roman				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Nhóm một màu:L101,L102,L103,L104	đ/viên			13.182											
	Nhóm hai màu:L201,L203,L204 và nhóm đặc biệt L105,L226	đ/viên			13.636											
	Ngói nóc	đ/viên			25.455											
	Ngói rìa	đ/viên			25.455											
	Ngói cuối rìa	đ/viên			34.545											
	Ngói ghép 2	đ/viên			34.545											
	Ngói cuối nóc	đ/viên			38.636											
	Ngói cuối mái	đ/viên			38.636											
	Ngói chạc 3, Ngói chữ T	đ/viên			44.545											
	Ngói chạc 4	đ/viên			44.545											
2	**Công Ty CP Gạch Ngói Đồng Nai.Địa chỉ: 119 Điện Biên Phủ.Q1.Tp.HCM.điện thoại :(028) 38228124, theo công văn số 04A/CV-TMTUILDONAI ngày của Công Ty, ngày 02/4/2021**															
	Ngói 10 (10 viên/m2)	đ/viên			24.545						24.091					
	Ngói 22 (22 viên/m2)	đ/viên			14.091						13.636					
	Ngói 22 Demi	đ/viên			8.636	Địa bàn Di Linh, Đam Rông, Đức Trọng, Lâm Hà, Đơn liên hệ với công ty để có báo giá cụ thể từng địa bàn					8.182	Địa bàn Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, liên hệ với công ty để có báo giá cụ thể từng địa				
	Ngói nóc	đ/viên			26.364						25.455					
	Ngói nóc cuối	đ/viên			47.273						46.364					
	Ngói chạc 3	đ/viên			68.182						67.273					
	Ngói chạc 4	đ/viên			90.909						90.909					
	Ngói vảy cá	đ/viên			7.727						7.455					
	Ngói mũi hài 120 (120 viên/m2)	đ/viên			4.545						4.091					
	Ngói mũi hài 65 (65 viên/m2)	đ/viên			8.182						7.909					

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Ngói mũi hài 50 (50 viên/m2)	đ/viên			10.909						10.455					
	Ngói tiểu	đ/viên			7.727						7.273					
	Âm dương	đ/viên			9.091						8.636					
	Bộ viền âm dương	đ/viên			60.000						59.091					
	Ngói nóc nhỏ	đ/viên			8.182						7.727					
3	**Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm.Địa chỉ:số 7.Khu phố 6.Thị trấn Bến Lức,huyện Bến Lức. Điện thoại:028 3875 6536.Kèm theo Bảng giá VLXD Tháng 01 đến tháng 6 năm 2021 ngày 10/3/2021 của Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm.Bảng giá có hiệu lực đến 30/6/2021 hoặc khi có thông báo mới.Gía bán áp dụng trên toàn quốc.Cty Đồng Tâm hỗ trợ vận chuyển đến chân công trình cho khách hàng.**															
	Ngói một màu															
	Nhóm một màu:206/503/509/605/607/608/706/905/906	đ/viên									16.060					
	Nhóm hai màu (103)	đ/viên														
	Ngói rìa	đ/viên									29.700					
	Ngói nóc có gờ	đ/viên														
	Ngói ốp cuối nóc phải/ trái có gờ	đ/viên									42.900					
	Ngói đuôi (cuối mái)	đ/viên														
	Ngói ốp cuối rìa	đ/viên														
	Ngói chạc 2 (L phải / L trái)	đ/viên									53.900					
	Ngói chữ T	đ/viên														
	Ngói chạc ba	đ/viên														
	Ngói chạc tư	đ/viên														
	Ngói nóc có gờ có giá gắn ống	đ/viên									220.000					
	Ngói lợp có giá gắn ống	đ/viên														
	Ngói chạc 3 có giá gắn ống	đ/viên														
	Ngói chạc 4 có giá gắn ống	đ/viên														
	Ngói hai màu															
	Nhóm một	đ/viên									18.040					
	Nhóm hai màu (103)	đ/viên														
	Ngói rìa	đ/viên									31.900					
	Ngói nóc có gờ	đ/viên														
	Ngói ốp cuối nóc phải/ trái có gờ	đ/viên									46.200					
	Ngói đuôi (cuối mái)	đ/viên														

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Ngói ốp cuối rìa	đ/viên														
	Ngói chạc 2 (L phải / L trái)	đ/viên									55.000					
	Ngói chữ T	đ/viên														
	Ngói chạc ba	đ/viên														
	Ngói chạc tư	đ/viên														
	Ngói nóc có gờ có giá gắn ống	đ/viên									240.900					
	Ngói lợp có giá gắn ống	đ/viên														
	Ngói chạc 3 có giá gắn ống	đ/viên														
	Ngói chạc 4 có giá gắn ống	đ/viên														
VI	**TÔN LỢP**															
1	**Công Ty TNHH Tôn POMINA.Địa chỉ: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ.Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, điện thoại liên hệ :0916 629 537, theo công văn số 202012-038 ngày 05/12/2020 của Cty TNHH Tôn Pomina.**															
	Đại lý phân phối Tôn Pomina tại tỉnh Lâm Đồng: 1. Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Sơn.Khu 1B, xã Lộc Thắng,huyện Bảo Lâm.2. DN tư nhân Tùng Lâm.Số 20 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.Phường 7.TP. Đà Lạt.3. Cơ sở Cán Tôn Đông Á.Thôn Liên Trung, xã															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											
1	Tôn lạnh AZ70 phủ AF:0.25mmx1200mm TCT G550	Kg/m			65.455											
2	Tôn lạnh AZ70 phủ AF:0.3mmx1200mm TCT G550	Kg/m			71.818											
3	Tôn lạnh AZ100 phủ AF:0.35mmx1200mm TCT G550	Kg/m			81.818											
4	Tôn lạnh AZ100 phủ AF:0.4mmx1200mm TCT G550	Kg/m			94.545											
5	Tôn lạnh AZ100 phủ AF:0.45mmx1200mm TCT G550	Kg/m			102.727											
6	Tôn lạnh AZ100 phủ AF:0.5mmx1200mm TCT G550	Kg/m			110.000											
7	Tôn lạnh AZ100 phủ AF:0.55mmx1200mm TCT G550	Kg/m			116.364											
8	Tôn lạnh AZ150 phủ AF:0.35mmx1200mm TCT G550	Kg/m			95.455											
9	Tôn lạnh AZ150 phủ AF:0.4mmx1200mm TCT G550	Kg/m			103.636											
10	Tôn lạnh AZ150 phủ AF:0.35mmx1200mm TCT G550	Kg/m			112.727											
11	Tôn lạnh AZ150 phủ AF:0.45mmx1200mm TCT G550	Kg/m			120.909											
12	Tôn lạnh AZ150 phủ AF:0.5mmx1200mm TCT G550	Kg/m			128.182											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
13	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.55mmx1200mm APT G550	Kg/m			109.091											
14	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.3mmx1200mm APT G550	Kg/m			116.364											
15	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.35mmx1200mm APT G550	Kg/m			123.636											
16	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.4mmx1200mm APT G550	Kg/m			132.727											
17	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.45mmx1200mm APT G550	Kg/m			140.909											
18	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.5mmx1200mm APT G550	Kg/m			72.727											
19	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.55mmx1200mm APT G550	Kg/m			79.091											
20	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.6mmx1200mm APT G550	Kg/m			86.364											
21	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.35mmx1200mm APT G550	Kg/m			100.000											
22	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.4mmx1200mm APT G550	Kg/m			107.273											
23	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.45mmx1200mm APT G550	Kg/m			114.545											
24	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.5mmx1200mm APT G550	Kg/m			122.727											
25	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.55mmx1200mm APT G550	Kg/m			130.909											
26	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.4mmx1200mm APT G550	Kg/m			104.000											
27	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.45mmx1200mm APT G550	Kg/m			114.500											
28	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.5mmx1200mm APT G550	Kg/m			124.500											
29	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.55mmx1200mm APT G550	Kg/m			133.500											
30	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.6mmx1200mm APT G550	Kg/m			144.000											
XII	**Nhựa đường**															
1	**CTY TNHH Thương Mại-Sản Xuất- Dịch vụ Tín Thịnh . Địa chỉ: số 102H, đường Nguyễn Xuân Khoát.P.Tân Thành.Q.Tân Phú.Tp HCM.Điện Thoại: (028) 62678195.Cập nhật theo Báo giá Nhựa đường đóng phuy ngày 01/03/2021 kèm công văn số 0321/KKG/XD-TC/LD ngày 01/03/2021 về việc đăng ký giá của Cty TNHH TM SX-DV Tín Thịnh.**															
	Nhựa đường đóng phuy Shell 60/70 Singapore chính hàng	đ/tấn	13.909.091		13.909.091											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	**CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex . Địa chỉ: tầng 05,số 01 Đinh Bộ Lĩnh .P.Lê Lợi.Tp Quy Nhơn.Tỉnh Bình Định.Điện Thoại: (0256) 3893206, giá bán các mặt hàng Nhựa đường Petrolimex tại thị trường Lâm Đồng ngày 01/3/2021 theo công văn số 041/2021/BG-NĐ.BĐ.KD của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex. Gía bán có hiệu lực từ ngày 01/3/2021 đến 31/3/2021.(Đơn giá là giá giao tại Tp Đà Lạt)**															
	Nhựa đường Petrolimex đặc nóng 60/70	đ/kg	13.900		13.900	Địa bàn Tp Bảo Lộc và các huyện liên hệ với Công ty để có báo giá cụ thể theo từng địa bàn										
	Nhựa đường Petrolimex phuy 60/70 (190kg/phuy)	đ/kg	15.000		15.000											
	Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	13.500		13.500											
	Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS2-Xá	đ/kg	14.400		14.400											
	Nhựa đường lỏng Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	18.600		18.600											
XIII	**Bê tông nhựa đường**															
	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai . Địa chỉ: số 2, đường số 1, KCN Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. VP đại diện miền Nam: Lầu 2, Tòa nhà 99, số 99 Đường C18, Phường 12, Quận Tân Bình.TP HCM. Điện thoại liên hệ:0776.446.688. Theo công văn số 27/2021/CV-TGĐ ngày 25/02/2021 kèm theo Bảng giá các sản phẩm hàng hóa VLXD.Mức giá áp dụng từ ngày 01/01/2021 cho đến khi có công bố thay đổi.Gía bán đã bao gồm chi phí vận tải từ nhà máy đến trung tâm TP.Đà Lạt.Ngoài địa điểm trên mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000															
	Dòng sản phẩm thứ I															
	Carboncor Asphalt-CA 6.7 (25kg/bao)	đ/tấn	3.745.000		3.745.000											
	Carboncor Asphalt-CA 9.5 (25kg/bao)	đ/tấn	3.745.000		3.745.000											
	Dòng sản phẩm thứ II															
	Carboncor Asphalt-CA 19 (Bê tông nhựa rỗng Carbon) (25kg/bao)	đ/tấn	2.535.000		2.535.000											
IX	**Đèn; Đèn trang trí; Đèn chiếu sáng**															
1	**Công ty TNHH SX TM&XD THIÊN MINH,** địa chỉ 16 Đường ĐHT03, P 4, Tân Hưng Thuận, Q12, Tp HCM, ĐT: 028.35926886.															
	Bộ đèn đường LED hiệu EUROGROUP				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 90W	đồng/bộ	8.280.000		8.280.000											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 100W	bộ	8.780.000		8.780.000											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 115W	bộ	9.630.000		9.630.000											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 120W	bộ	9.880.000		9.880.000											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 140W	bộ	10.980.000		10.980.000											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 150W	bộ	11.480.000		11.480.000											
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 165W	bộ	12.230.000		12.230.000											
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 90W	bộ	9.400.000		9.400.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 100W	bộ	9.900.000		9.900.000											
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 120W	bộ	11.000.000		11.000.000											
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 140W	bộ	12.100.000		12.100.000											
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 145W	bộ	12.350.000		12.350.000											
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 150W	bộ	12.600.000		12.600.000											
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 165W	bộ	13.550.000		13.550.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 75W	bộ	9.000.000		9.000.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 90W	bộ	9.850.000		9.850.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 105W	bộ	10.600.000		10.600.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 120W	bộ	11.450.000		11.450.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 140W	bộ	12.550.000		12.550.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 150W	bộ	13.050.000		13.050.000											
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 165W	bộ	14.000.000		14.000.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 90W	bộ	10.550.000		10.550.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 100W	bộ	11.050.000		11.050.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 110W	bộ	11.750.000		11.750.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 120W	bộ	12.450.000		12.450.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công	bộ	13.550.000		13.550.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 150W	bộ	14.050.000		14.050.000											
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 165W	bộ	15.000.000		15.000.000											
2	**Công ty TNHH SX Super Thái Dương, địa chỉ: 247/8B Hoàng Hoa Thám, P.05, Quận Phú Nhuận,Tp. HCM.Hotline:0913.42.0009.Phòng Kinh doanhP. Dự án.Nhà máy SX: Khu Công nghiệp Cần Guộc Tp.HCM. Theo bảng giá bán ngày 09/4/2021. của Công ty TNHH SX Super Thái Dương.Đơn giá có hiệu lực từ ngày 09/4/2021 đến ngày 08/4/2022.Đơn giá tại tỉnh Lâm Đồng**															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Bộ đèn đường SUPER LED 80W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			7.425.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 90W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			7.830.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 100W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			8.640.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 115W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			8.775.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 120W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			8.910.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 125W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			9.045.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 135W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			9.490.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 150W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			10.260.000											
	Bộ đèn pha LED sử dụng chip LED / DRIVER: PHILIPS LIGHTING POLAND - bảo hành 05 năm (Giá đến tại chân công trình)															
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 150W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ			10.260.000											
	dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ			14.250.000											
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 300W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ			15.600.000											
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 380W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ			17.100.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	**Công ty TNHH TM&DV Nguyễn Đình. Địa chỉ:204E/2, khu phố 1B, phường An Phú.Tp Thuận An.Tỉnh Bình Dương. Điện thoại:0938 555167.Liên hệ: Phạm Thị Bích Phương, theo công văn số 002/NĐ-SXDLĐ ngày 01/02/2021 của Công ty TNHH TM&DV Nguyễn Đình, (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình)**																
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, model SIB80 76W - 85W	bộ			6.818.182												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, model SIC100 96W - 105W	bộ			7.227.273												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA60 56W - 65W	bộ			7.045.455												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB80, 76W - 85W	bộ			7.136.364												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA90 86W - 95W	bộ			8.068.182												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA120 116W - 125W	bộ			9.227.273												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA150 146W - 155W	bộ			10.227.273												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB160 156W - 165W	bộ			11.818.182												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA180 176W - 185W	bộ			12.726.364												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB200 196W - 205W	bộ			12.840.909												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB240 236W - 245W	bộ			14.613.636												
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha model SLB320 315W - 325W	bộ			15.795.455												
	Đèn LED pha FLB80-C, 76W - 85W	bộ			7.327.273												
	Đèn LED pha FLA150-C, 146W - 155W	bộ			11.227.273												
	Đèn LED pha FLB240-C, 236W - 245W	bộ			14.454.545												
	Đèn LED pha FLB280-C, 276W - 285W	bộ			15.727.273												
	Đèn LED pha FLA300-C, 296W - 305W	bộ			18.909.091												
	Đèn LED khu vực FLD450, 446W - 455W	bộ			25.272.727												
6	**CÔNG TY TNHH VONTA VIỆT NAM.Ô HTKT cụm công nghiệp Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.Hotline: 04.63261523.Giá bán tại nhà máy sản xuất của công ty địa chỉ: Viên Nội, Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội: Giá bán tại thời điểm Quý I/2021.**																
	Đèn LED chiếu sáng trong nhà																
	Đèn tube LED 1,2m - 18w - Vonta	cái			164.570												
	Đèn tube LED 0,6m - 9w - Vonta	cái			142.350												
	Đèn led panel cỡ lớn 18w 300x300mm	cái			585.000												
	Đèn led panel cỡ lớn 48w 600x600mm	cái			1.150.000												
	Đèn Ốp trần bán nguyệt	cái			238.000												

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Đèn Ốp trần bán nguyệt có cảm biến	cái			495.000											
	Đèn Ốp trần tròn - lắp nổi - vỏ nhôm 12W	cái			180.000											
	Đèn Ốp trần vuông - lắp nổi - vỏ nhôm 12W	cái			199.000											
	Đèn Led mica bán nguyệt 12W	cái			175.000											
	Đèn khẩn cấp loại 1 - Vonta	cái			778.000											
	Đèn khẩn cấp loại 2- Vonta	cái			598.000											
	Đèn Exit 1 mặt	cái			285.000											
	Đèn Exit 2 mặt	cái			295.000											
	Đèn Led chiếu sáng đường phố Vonta 04 - chip LED SMD															
	Vonta - VT04/100w	cái			3.400.000											
	Vonta - VT04/150w	cái			5.500.000											
	Vonta - VT04/200w	cái			6.100.000											
	Vonta - VT04/250w	cái			6.500.000											
	Đèn Led chiếu sáng đường phố Vonta 06- chip LED COB															
	Vonta - VT06/50w	cái			1.500.000											
	Vonta - VT06/70w	cái			1.950.000											
	Vonta - VT06/80w	cái			2.100.000											
	Vonta - VT06/100w	cái			2.500.000											
	Vonta - VT06/120w	cái			2.600.000											
	Vonta - VT06/150w	cái			3.200.000											
	Vonta - VT06/200w	cái			3.950.000											
	Đèn Led chiếu sáng đường phố Vonta 08- chip LED SMD - Tích hợp nguồn															
	Vonta - VT08D/80w - DIM	cái			4.750.000											
	Vonta - VT08D/100w - DIM	cái			4.850.000											
	Vonta - VT08D/150w - DIM	cái			6.220.000											
	Vonta - VT08D/180w - DIM	cái			6.890.000											
	Vonta - VT08D/200w - DIM	cái			7.890.000											
	Vonta - VT08D/220w - DIM	cái			8.200.000											
	Vonta - VT08D/250w - DIM	cái			8.890.000											
	Cột thép bát giác tròn côn liền cần đơn thép mạ kẽm nhúng nóng															
	TCLCĐ, BGLCD cao 6 m, vươn 1,5m, dày 3,0mm - Vonta	cái			2.790.000											
	TCLCĐ, BGLCD cao 7 m, vươn 1,5m, dày 3,0mm - Vonta	cái			3.154.000											
	TCLCĐ, BGLCD cao 8 m, vươn 1,5m, dày 3,0mm - Vonta	cái			3.450.000											
	TCLCĐ, BGLCD cao 9 m, vươn 1,5m, dày 3,5mm - Vonta	cái			4.050.000											
	TCLCĐ, BGLCD cao 10 m, vươn 1,5m, dày 3,5mm - Vonta	cái			4.500.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TCLCĐ, BGLCD cao 11 m, vươn 1,5m, dày 4,0mm - Vonta	cái			5.450.000											
	Cột thép bát giác, tròn côn D78 mạ kẽm nhúng nóng															
	BG06, TC06- cao 6m, ngọn φ78, dày 3,0mm - Vonta	cái			2.500.000											
	BG07, TC07- cao 7m, ngọn φ78, dày 3,0mm - Vonta	cái			2.950.000											
	BG08, TC08- cao 8m, ngọn φ78, dày 3,0mm - Vonta	cái			3.250.000											
	CẦN ĐÈN -VT01 - Vonta	cái			800.000											
	CẦN ĐÈN -VTK01 - Vonta	cái			1.200.000											
	Cột đèn nâng hạ															
	Cột đèn nâng hạ 20m - Vonta Chia làm 3 đoạn Đoạn 1 D=585/431mm cao 8m tôn dày 6mm Đoạn 2 D=457/309mm cao 7,5 m tôn dày 5mm Đoạn 3 D=330/260mm cao 5,5 m tôn dày 4mm Thép SS400 Bao gồm: Cột, kim thu sét, bảng điện cửa cột, giàn nâng hạ có tay bắt 8 đèn	Bộ			140.000.000											
	Cột đèn nâng hạ 25m - Vonta Chia làm 3 đoạn Đoạn 1 D=585/431mm cao 10m tôn dày 6mm Đoạn 2 D=457/309mm cao 9,5 m tôn dày 5mm Đoạn 3 D=330/260mm cao 6,5m tôn dày 4mm Thép SS400 Bao gồm: Cột, kim thu sét, bảng điện cửa cột, giàn nâng hạ có tay bắt 8 đèn	Bộ			170.000.000											
	Cột đèn nâng hạ 30m - Vonta Chia làm 3 đoạn Đoạn 1 D=585/431mm cao 10m tôn dày 6mm Đoạn 2 D=457/309mm cao 10,5 m tôn dày 5mm Đoạn 3 D=330/260mm cao 10,5m tôn dày 4mm Thép SS400 Bao gồm: Cột, kim thu sét, bảng điện cửa cột, giàn nâng hạ có tay bắt 8 đèn	Bộ			210.000.000											
	Cột đèn sân vườn - Vonta															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Cột đèn sân vườn mã VTCDSV01: cột đế gang thân nhôm Bao gồm: chân cột+đèn VTDSV01+ bảng đện cửa cột	Bộ			7.500.000											
	Cột đèn sân vườn mã VTCDSV02: cột đế gang thân nhôm Bao gồm: chân cột+đèn VTDSV02+ bảng đện cửa cột	Bộ			8.500.000											
	Cột đèn sân vườn mã VTCDSV03: cột đế gang thân nhôm Bao gồm: chân cột+ 4 cầu nhựa PMMA D400+ bảng đện cửa cột	Bộ			8.150.000											
7	**CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345.Theo Bảng báo giá sản phẩm đèn LED tháng 01/2021, áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng (giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng)**															
	Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds,7200lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 568x240x100	cái			8.500.000											
	Đèn LE-TITAN ECO 80W, 108 leds,9600lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 568x240x100	cái			9.150.000											
	Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 144	cái			10.450.000											
	Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 168 leds,14400lm,IP66,IK09.Tiết giảm công	cái			11.350.000											
	Đèn LE-TITAN MIDI 150W, 216 leds,18000lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 842x340x140				12.800.000											
X	**Thiết bị điện**															
1	**Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam (CADIVI),** địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443,															
	Dây đồng đơn cứng bọc PVC-300/500V:				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	VC - 0,5 (Ø 0,80) - 300/500 V	đ/m			1.630											
	VC - 1,00 (Ø1,13) - 300/500 V	đ/m			2.710											
	Dây điện bọc nhưa PVC-0,6/1Kv:															
	VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1kV	đ/m			3.110											
	VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1kV	đ/m			4.380											
	VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1kV	đ/m			5.610											
	VCmd-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1kV	đ/m			8.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Dây điện mềm bọc nhưa PVC-300/500V:																
	VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	đ/m			6.450												
	VCmo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	đ/m			9.090												
	Vcmo-2x6-(2x7x12/0.30-300/500V	đ/m			33.100												
	Ống luồn dây điện:																
	Ống luồn tròn F16 dài 2,9m	đ/ống			18.600												
	Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	đ/ống			23.700												
	Ống luồn đàn hồi CAF-16	đ/cuộn			183.500												
	Ống luồn đàn hồi CAF-20	đ/cuộn			208.100												
2	**CÔNG TY TNHH VONTA VIỆT NAM.Ô HTKT cụm công nghiệp Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.Hotline: 04.63261523.Giá bán tại nhà máy sản xuất của công ty địa chỉ: Viên Nội, Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội: Giá bán tại thời điểm Quý I/2021.**																
	Ống luồn dây điện và phụ kiện																
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D16 VT 320N 2.92m/cây	md			7.397												
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D20 VT 320N 2.92m/cây	md			10.479												
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D25 VT 320N 2.92m/cây	md			14.301												
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D32 VT 320N 2.92m/cây	md			28.767												
	Ống gen mềm D16 50m/cuộn - Vonta	md			4.560												
	Đế nhựa âm tường chữ nhật - Vonta	Cái			5.100												
	Đế nhựa âm tường vuông - Vonta	Cái			5.100												
	Hộp nối dây tự chống cháy Vonta 80x80x50	Cái			17.040												
	Hộp chia ngả Vonta D16 (có nắp)	Cái			9.264												
	Kẹp đỡ ống Vonta D16	Cái			1.416												
	Đầu khớp nối loai vặn ren Vonta D16	Cái			2.640												
	Măng xông trơn Vonta ống PVC D16	Cái			1.080												
	Cút chữ L Vonta D16	Cái			4.056												
	Cút chữ T Vonta D16	Cái			5.880												
	Ống nhựa gân xoắn - Vonta																
	Ống nhựa gân xoắn HDPE 32/25 - Vonta	m			12.800												
	Ống nhựa gân xoắn HDPE 40/30 - Vonta	m			14.900												
	Ống nhựa gân xoắn HDPE 50/40 - Vonta	m			21.400												
	Thiết bị điện trong nhà																
	Công tắc ổ cắm																
	Bộ 1 công tắc 1 chiều 16A size S - kiểu V03 - Vonta	Bộ			38.300												
	Bộ 2 công tắc 1 chiều 16A size S - kiểu V03 - Vonta	Bộ			59.900												

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Bộ 3 công tắc 1 chiều 16A size S - kiểu V03 - Vonta	Bộ				81.500										
	Bộ 4 công tắc 1 chiều 16A size XS - kiểu V03 - Vonta	Bộ				100.700										
	Bộ 6 công tắc 1 chiều 16A size S/2 - kiểu V03 - Vonta	Bộ				142.700										
	Bộ 1 công tắc 1 chiều 16A size M - kiểu V03 - Vonta	Bộ				39.800										
	Bộ 1 công tắc 1 chiều 16A size L - kiểu V03 - Vonta	Bộ				44.900										
	Bộ 1 công tắc 2 chiều 16A size S - kiểu V03 - Vonta	Bộ				46.100										
	Bộ 3 công tắc 2 chiều 16A size S - kiểu V03 - Vonta	Bộ				104.900										
	Bộ 2 công tắc 2 chiều 16A size M - kiểu V03 - Vonta	Bộ				84.900										
	Bộ 1 ổ cắm điện thoại, 1 ổ cắm mạng, 1 ổ cắm vệ tinh - Vonta	Bộ				231.300										
	Bộ 1 công tắc 2 cực 20A size S - kiểu V03	Bộ				62.900										
	Bộ 1 công tắc 2 cực 20A size S + hạt đèn báo đỏ size S - kiểu V03	Bộ				82.900										
	MCB 1 cực 63A 6kA	chiếc				123.600										
	MCB 1 cực 50A 6kA	chiếc				123.600										
	MCB 1 cực 40A 6kA	chiếc				94.800										
	MCB 1 cực 32A 6kA	chiếc				94.800										
	MCB 1 cực 25A 6kA	chiếc				87.600										
	MCB 1 cực 20A 6kA	chiếc				87.600										
	MCB 1 cực 16A 6kA	chiếc				87.600										
	MCB 1 cực 10A 6kA	chiếc				87.600										
	MCB 1 cực 6A 6kA	chiếc				87.600										
XI	**Nhóm cửa**															
1	**Công ty CP Eurowindow.Trụ sở chính**:Lô số 15, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội. Nhà máy sản xuất: Khu 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Bảng niêm yết giá kèm công văn số 109/2021/EW-HCM của Cty CP Eurowindow.															
	CỬA NHÔM EUROWINDOW				**Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			3.244.355											
	Cửa sổ 3 cánh (2 cánh mở trượt, 1 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R1500 x C1000)	m2			3.134.381											
	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), hệ Profile của hãng Eurowindow (R2000 x C 1000)	m2			3.110.363											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Cửa sổ 2 cánh mở quay lật vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			4.340.006											
	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			3.868.477											
	Cửa sổ 1 cánh mở quay lật vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R500 x C1000)	m2			4.660.487											
	Cửa sổ 2 cánh mở quay ra ngoài, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			4.036.451											
	Cửa đi 1 cánh mở quay, hệ Asia Profile Eurowindow (R700 x C1800)	m2			4.599.175											
	Cửa đi 2 cánh mở quay, hệ Asia Profile Eurowindow (R1400 x C1800)	m2			4.257.673											
	Cửa đi 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R2800 x C1800)	m2			2.289.841											
	CỬA NHỰA EUROWINDOW															
	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			3.244.355											
	Cửa sổ 3 cánh (2 cánh mở trượt, 1 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R1500 x C1000)	m2			3.134.381											
	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), Hệ Profile của hãng Eurowindow (R2000 x C1000)	m2			3.110.363											
	Cửa sổ 2 cánh mở quay lật vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			4.340.006											
	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2			3.868.477											
	Cửa đi 1 cánh mở quay, hệ Asia Profile Eurowindow (R700 x C1800)	m2			4.599.175											
	Cửa đi 2 cánh mở trượt , hệ Asia Profile Eurowindow (R1400 x C1800)	m2			2.586.661											
	Cửa đi 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R2800 x C1800)	m2			2.330.982											
	- Eurowindow: Cửa sổ 3 cánh (2 cánh mở trượt, 1 cánh giữa cố định), Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1500 x C1000)	m2			3.993.134											
	- Eurowindow: Cửa sổ 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh giữa cố định), Hệ Profile của hãng Koemmerling (R2000 x C1000)	m2			3.908.117											
	Eurowindow: Cửa sổ 2 cánh mở quay lật vào trong - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1000 x C1000)	m2			7.502.230											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Eurowindow: Cửa đi 1 cánh mở quay - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R7000 x C1800)	m2			7.698.769											
	Eurowindow: Cửa đi 2 cánh mở quay - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1400 x C1800)	m2			6.698.616											
	Eurowindow: Cửa đi 2 cánh mở quay - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1400 x C1800)	m2			6.698.616											
	Eurowindow: Cửa đi 2 cánh mở trượt - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1400 x C1800)	m2			3.915.741											
	Eurowindow: Cửa đi 4 cánh (2 cánh mở trượt +2 cánh cố định), Hệ Profile của hãng Koemmerling (R2800 x C1800)	m2			3.517.770											
	CÔNG TY TNHH VONTA VIỆT NAM.Ô HTKT cụm công nghiệp Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.Hotline: 04.63261523.Giá bán tại nhà máy sản xuất của công ty địa chỉ: Viên Nội, Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội: Giá bán tại thời điểm Quý I/2021.															
	Cửa chống cháy															
	VONTA-FD-EI60 - Cửa thép chống cháy 60p kích thước 800x1200mm (Chưa bao gồm phụ kiện)	cửa				5.000.000										
	VONTA-FD-EI90 - Cửa thép chống cháy 90p kích thước 800x1200mm (Chưa bao gồm phụ kiện)	cửa				6.000.000										
	VONTA-FD-EI120 - Cửa thép chống cháy 120p kích thước 800x1200mm (Chưa bao gồm phụ kiện)	cửa				8.000.000										